TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HN-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn

2. Ông Trần Thanh Sang

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 825/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Địa chỉ: số A, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Ông Bùi Quốc H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày, bà và ông Bùi Quốc H tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống với nhau được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Quốc T1, sinh ngày 29/11/2011, hiện đang sống với ông H. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Quốc H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án của bà

T và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng ông H vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Bùi Quốc H đã được tống đạt để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T xin ly hôn ông Bùi Quốc H.

Về quan hệ con chung: Ông Bùi Quốc H được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Bùi Quốc T1, sinh ngày 29/11/2011, hiện đang sống với ông H. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Võ Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Bùi Quốc H có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà Võ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Bùi Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng ông H vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị T, ông Bùi Quốc H là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Bà Võ Thị T và ông Bùi Quốc H sống chung vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo qui định. Vợ chồng sống được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà T, nhưng ông H không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được, do đó việc bà T xin ly hôn ông H là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Quốc T1, sinh ngày 29/11/2011, hiện đang sống với ông H. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở bảo đảm sự ổn định và không làm ảnh hưởng tâm lý đối với con chung, hiện nay cháu T1 đang sống ổn định với ông H. Do đó, việc bà T đồng ý để ông H được tiếp tục nuôi con chung phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu này.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T xin ly hôn ông Bùi Quốc H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 02/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Ông Bùi Quốc H được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Bùi Quốc T1, sinh ngày 29/11/2011, hiện đang sống với ông H. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận bà T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà T, ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0014750 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức